

Tài liệu tham khảo cho hs K-G

Bài 1: “*Chuyện người con gái Nam Xương*” – Nguyễn Dữ.

A. Kiến thức trọng tâm:

1. Cảm nhận về đẹp truyền thống và số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến qua nhân vật Vũ Nương.
2. Phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo
3. Nắm được thành công nghệ thuật.

B. Phân tích:

* Khái quát về tác giả, tác phẩm:

- Nguyễn Dữ là gương mặt nổi bật của văn học Việt Nam thế kỉ XVI.
- Với tập truyện ngắn “Truyện kì mạn lục” ông thực sự đã mang đến cho nền văn học dân tộc một “Thiên cổ kì bút” có khả năng lay động lòng người bởi giá trị mọi mặt của nó.
- “Chuyện người con gái Nam Xương” là thiên thứ 16 và là thiên tiêu biểu trong tập sáng tác này. Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, “Chuyện người con gái Nam Xương” thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ. Tác phẩm là một áng văn hay, thành công về nghệ thuật dựng truyện, miêu tả nhân vật, kết hợp tự sự với trữ tình.

1. Vẻ đẹp truyền thống và số phận oan nghiệt của người phụ nữ:

a. Vẻ đẹp truyền thống: (chuyên ý)

- Mở đầu tác phẩm, tác giả đã có lời giới thiệu bao quát về Vũ Nương “Tính đã thủy mị nét na lại thêm tư dung tốt đẹp” tạo ấn tượng về một chân dung phụ nữ hoàn hảo.
- Tả vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất của nhân vật trong các mối quan hệ khác nhau, trong các tình huống khác nhau.

* Trước hết Vũ Nương là người phụ nữ thủy chung, son sắc trong tình nghĩa vợ chồng:

- Trong cuộc sống vợ chồng, biết Trương Sinh vốn có tính đa nghi, nên nàng luôn “giữ gìn thất hòa”. Nàng luôn giữ cho tình cảm gia đình đầm ấm, yên vui. Nàng là một người vợ hiền thục, khôn khéo, nét na đúng mực!

- Hạnh phúc êm ấm tưởng bền lâu, không ngờ đất nước xảy ra binh biến, Trương Sinh phải đầu ... đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy, dặn dò chồng những lời tình nghĩa, đầm thắm, thiết tha: “Chàng đi chuyến này... là đủ rồi”. Ước mong của nàng thật bình dị, lời lẽ dịu dàng ấy, chứng tỏ nàng luôn coi trọng hạnh phúc gia đình mà xem thường mọi công danh phù phiếm. Nàng cảm thông trước những nỗi vất vả gian lao mà chồng sẽ phải chịu đựng →. ***Đúng là lời nói, cách nói của một người vợ hết mực thủy mị, dịu dàng. Trái tim ấy giàu lòng yêu thương, biết chịu đựng những thử thách, biết đợi chờ để yên lòng người đi xa, thật đáng trân trọng biết bao!***

- **Khi xa chồng**, Vũ Nương ngày ngày đợi chờ, ngóng trông đến thôn thức “Giữ trọn tâm lòng thủy chung, son sắt”, “tô son điểm phấn ... bén gót”. Nỗi nhớ thương dài theo năm tháng “Mỗi khi ... nào ngăn được”. → ***Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vô vô. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:***

“... Nhớ chàng đằng đẳng đường lên bằng trời

Trời thăm thăm xa vời khôn thấu

Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong...”

(Chinh phụ ngâm)

-> Thể hiện tâm trạng ấy, Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tâm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.

- Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ: Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn. Khi người chồng trút con ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần. Nàng đã viện đến cả thân phận và tấm lòng của mình để thuyết phục chồng “Thiếp vốn con kẻ khó ... giữ gìn một tiết....” Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương.

- Rồi những năm tháng sống ở chốn làng mây cung nước sung sướng nàng vẫn không nguôi nỗi thương nhớ chồng con. Vừa gặp lại Phan Lang, nghe Lang kể về tình cảnh gia đình nàng đã ứa nước mắt xót thương → Trái tim người phụ nữ ấy, không bỏn chột thù hận, chỉ có sự yêu thương và lòng vị tha.

* Vũ Nương còn là người con dâu hiếu thảo với mẹ chồng, một người mẹ hiền đầy tình yêu thương con.

- Trong ba năm chồng đi chiến trận, một mình nàng vừa làm con vừa làm cha vừa làm mẹ để chăm sóc phụng dưỡng mẹ chồng, nuôi dạy con thơ.

- Với mẹ chồng, nàng là một cô con dâu hiếu thảo. Chồng xa nhà, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ chu đáo. Khi bà ốm nàng đã thuốc thang lễ bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để khuyên răn để bà vui bớt nỗi nhớ thương con. Đến khi bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ cẩn trọng hết như với cha mẹ đẻ của mình. Cái tình ấy quả có thể cảm thấu cả trời đất cho nên trước lúc chết người mẹ già ấy đã trăng trối những lời yêu thương, động viên, trân trọng con dâu “Sau này, trời xét ... chẳng phụ mẹ”.

- Với con thơ nàng hết sức yêu thương, chăm chút. Sau khi xa chồng đầy tuần, nàng sinh bé Đản, một mình gánh vác cả giang sơn nhà chồng nhưng chưa khi nào nàng chểnh mảng việc con cái. Chỉ tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ : để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha.

=> Nguyễn Dữ đã dành cho nhân vật một thái độ yêu mến, trân trọng qua từng trang truyện, từ đó khắc họa thành công hình tượng người phụ nữ với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp.

b. Số phận oan nghiệt: (chuyên ý)

- Vũ Nương đã làm tròn bốn phận của một phụ nữ, người vợ, người mẹ, người con, ở cương vị nào nàng cũng làm rất hoàn hảo. Nàng đúng là người phụ nữ lí tưởng của gia đình. Nàng xứng đáng được hưởng hạnh phúc nhưng hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng.

- Ngày Trương Sinh trở về cũng là lúc bi kịch cuộc đời nàng xảy ra. Câu chuyện của bé Đản, đứa con trai vừa lên ba tuổi, về “ một người đàn ông đêm nào cũng đến” đã làm cho Trương Sinh nghi ngờ. Với bản tính hay ghen cộng thêm tính gia trưởng, thất học, Trương Sinh đối xử với vợ hết sức tàn nhẫn. Giấu biệt lời con nói, Trương Sinh đã “ mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi” mặc cho Vũ Nương hết sức phân trần, mặc cho “hàng xóm can ngăn cũng chẳng ăn thua gì”. Nàng đau khổ đến xé lòng “nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió”, “khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa...” Bi kịch dâng trào đến đỉnh điểm, Vũ Nương phải tìm đến cái chết để chứng minh cho sự trong sạch của chính mình! Còn gì đớn đau, còn gì bi thương hơn thế???...

- Thật ra, nỗi bất hạnh của Vũ Nương không phải bắt đầu ở tấn bi kịch này. Nỗi bất hạnh đến với Vũ Nương từ khi nàng chấp nhận cuộc hôn nhân với Trương Sinh. Từ đầu, ta đã nhận ra đây là một cuộc hôn nhân không bình đẳng. Vũ Nương vốn “ con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu”, còn Trương Sinh muốn lấy được Vũ Nương chỉ cần “ nói với mẹ đem trăm lạng vàng cưới nàng về làm vợ”. Sự cách bức ấy cộng thêm cái thế của người chồng, người đàn ông trong chế độ nam quyền phong kiến đã khiến cho Trương Sinh tự cho mình cái quyền đánh đuổi vợ không cần có chứng cứ rõ ràng. Trong những ngày làm dâu nhà họ Trương, Vũ Nương cũng đâu hạnh phúc hơn gì! Nàng phải luôn chịu đựng sự xét nét “ phòng ngừa quá sức” của chồng.

- Lấy chồng không được bao lâu thì niềm vui “nghỉ gia nghi thất” của Vũ Nương bị mất đi bởi chồng “có tên trong sổ lính đi vào loại đầu”. Nàng thiếu phụ tuổi xuân còn phơi phới đã phải gánh chịu nỗi buồn “chiếc bóng năm canh” của đời người chinh phụ.

Mặt biếng tô miệng càng biếng nói
Sớm lại chiều dòi dỗi nương song
Nương song luống ngẩn ngơ lòng
Vắng chàng điếm phấn tô hồng với ai
(Chinh phụ ngâm khúc)

- Rồi gánh nặng gia đình chồng cộng thêm nỗi cô đơn vì phòng không gối chiếc đã bào mòn tuổi xuân của Vũ Nương. Ta có thể cảm nhận được nỗi vất vả của nàng qua những vần điệu ca dao cổ:

Có con phải khổ vì con / Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng”

Hình như số phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến ngày xưa đều có chung nỗi bất hạnh như thế!

- Ở phần sau của câu chuyện, ta thấy Vũ Nương được sống sung sướng dưới Thủy cung, được kề cận với Linh Phi, vợ vua biển Nam Hải nhưng không vì thế mà ta thấy nàng hạnh phúc. Và làm sao có thể hưởng thụ hạnh phúc cho được khi quyền làm mẹ, làm vợ của nàng vĩnh viễn không còn? Bị kịch vẫn đeo bám theo Vũ Nương vào tận chốn Thủy cung huyền bí. Người đọc càng cảm thấy xót xa hơn khi nghe câu nói của nàng ở cuối truyện: “Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa”. Âm dương đã cách trở đôi đường. Hạnh phúc bị tan vỡ khó lòng hàn gắn lại được. Kết thúc câu chuyện bi đát này là một khoảng vắng mênh mông, mờ mịt... Đằng sau yếu tố hoang đường, câu chuyện về nàng Vũ Nương mang đậm tính hiện thực và thấm đẫm tinh thần nhân đạo.

2. Giá trị hiện thực và nhân đạo:

a. Giá trị hiện thực:

- Về giá trị hiện thực, tác phẩm đã đề cập tới số phận bi kịch của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương. Vốn là người con gái xuất thân từ tầng lớp bình dân thủy mị, nết na; tư dung tốt đẹp. Khi chồng đi lính. Vũ Nương một mình vừa chăm sóc, thuốc thang ma chay cho mẹ chồng vừa nuôi con, đảm đang, tận tình, chu đáo. Để rồi khi chàng Trương trở về, chỉ vì câu nói ngây thơ của bé Đản mà Trương Sinh đã nghi ngờ lòng thủy chung của vợ. Từ chỗ nói bóng gió xa xôi, rồi mắng chửi, hắt hủi và cuối cùng là đuổi Vũ Nương ra khỏi nhà, Trương Sinh đã đẩy Vũ Nương tới bước đường cùng quẫn và bế tắc, phải chọn cái chết để tự mình oan cho mình.

- Ngoài ra, truyện còn phản ánh hiện thực về xã hội phong kiến Việt Nam với những biểu hiện bất công vô lí. Đó là một xã hội dung túng cho quan niệm trọng nam khinh nữ, để cho Trương Sinh – một kẻ thất học, vũ phu ngang nhiên chà đạp lên giá trị nhân phẩm của người vợ hiền thực nết na.

+ Xét trong quan hệ gia đình, thái độ và hành động của Trương Sinh chỉ là sự ghen tuông mù quáng, thiếu căn cứ (chỉ dựa vào câu nói vô tình của đứa con ba tuổi, bỏ ngoài tai mọi lời thanh minh của vợ và lời can ngăn của hàng xóm).

+ Nhưng xét trong quan hệ xã hội: hành động ghen tuông của Trương Sinh không phải là một trạng thái tâm lí bột phát trong cơn nóng giận bất thường mà là hệ quả của một loại tính cách – sản phẩm của xã hội đương thời.

- Tuy nhiên, nếu Trương Sinh là thủ phạm trực tiếp gây nên cái chết của Vũ Nương thì nguyên nhân sâu xa là do chính xã hội phong kiến bất công – xã hội mà ở đó người phụ nữ không thể đứng ra để bảo vệ cho giá trị nhân phẩm của mình, và lời buộc tội, gỡ tội cho người phụ nữ bất hạnh ấy lại phụ thuộc vào những câu nói ngây thơ của đứa trẻ ba tuổi (lời bé Đản). Đó là chưa kể tới một nguyên nhân khác nữa: do chiến tranh phong kiến – dù không được miêu tả trực tiếp, nhưng cuộc

chiến tranh ấy đã tác động hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp tới số phận từng nhân vật trong tác phẩm (người mẹ sầu nhớ con mà chết; Vũ Nương và Trương Sinh phải sống cảnh chia lìa; bé Đản sinh ra đã thiếu thốn tình cảm của người cha và khi cha trở về thì mất mẹ). Đây là một câu chuyện diễn ra đầu thế kỉ XV (cuộc chiến tranh xảy ra thời nhà Hồ) được truyền tụng trong dân gian, nhưng phải chăng qua đó, tác phẩm còn ngầm phê phán cuộc nội chiến đẫm máu trong xã hội đương thời (thế kỉ XVI).

b. Giá trị nhân đạo:

* Nhận định khái quát về tư tưởng nhân đạo trong văn học:

- Văn học là một hoạt động sáng tạo của con người nhằm khám phá và khẳng định những giá trị của đời sống, nhằm vươn tới những điều tốt đẹp và hoàn thiện của con người và cuộc đời. Tư tưởng nhân đạo thường là một tư tưởng lớn thấm nhuần trong những nền văn minh tiên bộ, trong những thời kỳ ưu tú.

- Nói tới tư tưởng nhân đạo là nói tới thái độ của nhà văn trong cách khám phá đời sống và con người. Nhà văn đã nhìn thấy những bất công, nghịch cảnh, nghịch lí đối với con người và thủ phạm của nó; nhà văn thể hiện sự quan tâm, niềm cảm thương sâu sắc đối với những con người phải chịu áp bức, khổ đau, thiệt thòi; thể hiện thái độ căm ghét, lên án, tố cáo những cái xấu, cái ác. Quan trọng hơn, nhà văn khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp của con người, thể hiện niềm tin vào cái đẹp, vào công lí, hướng tới những giải pháp đem lại hạnh phúc cho con người...

- Giá trị nhân đạo thường không tách rời giá trị hiện thực (phải khổ người ta mới thương; phải bất công, ngang trái người ta mới lên án, tố cáo) và luôn được làm sáng rõ, thuyết phục trong những tìm tòi, sáng tạo về nghệ thuật.

* Giá trị nhân đạo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”:

- Trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương.

- Thể hiện niềm tin vào điều tốt đẹp: Đề cao giá trị nhân nghĩa “ở hiền gặp lành” qua kết thúc phần nào có hậu, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân.

- Qua số phận nhiều thiệt thòi, bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến có nhiều bất công (Bi kịch của Vũ Nương):

+ Cất lên tiếng nói tố cáo xã hội đã chà đạp lên quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người.

+ Thể hiện niềm cảm thông, thương xót cho số phận oan trái.

3. Thành công về nghệ thuật:

- Xây dựng được cốt truyện có phạm vi khái quát được hiện thực xã hội và đời sống (chuyện Trương Sinh đi lính, cảnh ngộ neo đơn của người phụ nữ trong thời loạn lạc, cuộc hôn nhân sắp đặt, thói gia trưởng của người đàn ông phong kiến...); tạo được tình huống đơn giản mà đặc sắc làm nổi bật được tính chất éo le, bi kịch trong cuộc đời người phụ nữ thời xưa; làm rõ được cái trở trêu với hạnh phúc của con người.

- Miêu tả tính cách nhân vật một cách sắc sảo, già dặn. Nhân vật Vũ Nương hiện lên rõ nét cả về đức tính và thân phận. Việc nàng trở cái bóng nói là chồng để dỗ con, cái chết của nàng và việc nàng trở về trên sông... tuy không nhiều chi tiết nhưng đủ gây ấn tượng về một Vũ Nương chung thủy, tiết liệt nhưng vị tha... Nhân vật Trương Sinh cũng được khắc họa khá điển hình với tính ghen tuông và gia trưởng đến mức hồ đồ...

- Việc vận dụng linh hoạt các loại hình ngôn ngữ: đối thoại, độc thoại cùng sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố thực và kỳ ảo cũng góp phần làm nên thành công cho tác phẩm, tạo ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả.

CHỊ EM THÚY KIỀU **(Trích “Truyện Kiều” – Nguyễn Du)**

***Vị trí đoạn trích**

Nằm ở phần đầu của tác phẩm: *Gặp gỡ và đính ước*. Đoạn trích là đoạn mở đầu nói về vẻ đẹp và cuộc sống đức hạnh của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân.

***Bố cục: 4 phần**

- 4 câu đầu : Giới thiệu khái quát hai chị em Thúy Kiều.
- 4 câu tiếp theo : Gợi tả vẻ đẹp Thúy Vân.
- 12 câu tiếp theo : Gợi tả vẻ đẹp Thúy Kiều .
- 4 câu cuối : Cuộc sống của 2 chị em.

=>Bố cục hợp lí : Tác giả tập trung miêu tả kĩ nhân vật Thúy Kiều vì vậy đây là nhân vật chính của truyện, nhân vật Thúy Vân chỉ làm nền cho Thúy Kiều.

1. Chân dung Thúy Vân, Thúy Kiều:

a. Giới thiệu khái quát nhân vật:

- Trước hết, Nguyễn Du giới thiệu chung về hai chị em trong gia đình, lời giới thiệu cô điển, trang trọng rằng họ là “*tổ nga*”, đẹp và trong sáng:

*Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.*

- Tiếp đến, tác giả miêu tả chung về đẹp của hai chị em trong một nhận xét mang tính chất lí tưởng hóa, tuyệt đối hóa (đẹp một cách hoàn thiện):

*Mai cốt cách tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.*

+ **Với bút pháp ước lệ tượng trưng**, tác giả đã gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh tao, trong trắng của người thiếu nữ ở hai chị em Thúy Kiều: “*Mai cốt cách, tuyết tinh thần*”. Vóc dáng mảnh mai, tao nhã như mai; tâm hồn trắng trong như tuyết.
=> Đó là vẻ đẹp hài hòa đến độ hoàn mỹ cả hình thức lẫn tâm hồn, cả dung nhan và đức hạnh.

+ Hai chị em đều tuyệt đẹp, không tì vết “*mười phân vẹn mười*”, song mỗi người lại mang nét đẹp riêng khác nhau “*mỗi người một vẻ*”.

-> Bốn câu thơ đầu là bức tranh nền để từ đó tác giả dẫn người đọc lần lượt chiêm ngưỡng sắc đẹp của từng người.

b. Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân:

- Câu thơ mở đầu: “*Vân xem trang trọng khác vời*” đã giới thiệu khái quát vẻ đẹp của Thúy Vân: **một vẻ đẹp cao sang, quý phái.**

- Bút pháp ước lệ tượng trưng, phép ẩn dụ, nhân hoá: “*khuôn trăng*”, “*nét ngài*”, “*hoa cười ngọc thốt*”, “*Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da*”

=> Vẻ đẹp của Thúy Vân là vẻ đẹp đầy đặn, phúc hậu; tính cách thì đoan trang, thùy mị: khuôn mặt đầy đặn, tươi sáng như trăng đêm rằm; lông mày sắc nét như mày ngài; miệng cười tươi thắm như hoa; giọng nói trong trẻo thốt ra từ hàm

răng ngọc ngà là những lời đoan trang, thùy mị. Mái tóc của nàng đen mượt hơn mây, da trắng mịn màng hơn tuyết.

=> Vân đẹp hơn những gì mỹ lệ của thiên nhiên – một vẻ đẹp tạo sự hòa hợp, êm đềm với xung quanh. Cũng là hương sắc của tạo hóa, báu vật của nhân gian.

=> ***Dự báo về một cuộc đời bình lặng, suôn sẻ.***

c. Gọi tả vẻ đẹp của Thúy Kiều:

* **Sắc:** - Nguyễn Du đã miêu tả Thúy Vân trước để làm nổi bật Thúy Kiều theo thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy. Tả kĩ, tả đẹp để Vân trở thành tuyệt thế giai nhân, để rồi khẳng định Kiều còn hơn hẳn: “*Kiều càng sắc sảo mặn mà*”. Từ “*càng*” đứng trước hai từ láy liên tiếp “*sắc sảo*”, “*mặn mà*” làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều: sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn.

- Bút pháp ước lệ tượng trưng, phép ẩn dụ: “*Làn thu thủy nét xuân sơn*” gợi đôi mắt trong sáng, long lanh như làn nước mùa thu; hàng lông mày thanh tú như dáng núi mùa xuân. Vẻ đẹp của Kiều hội tụ ở đôi mắt – cửa sổ tâm hồn thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ.

- Vẻ đẹp của Kiều khiến “*hoa ghen*”, “*liễu hờn*”, nước phải nghiêng, thành phải đổ. Thi nhân không tả trực tiếp vẻ đẹp mà tả sự đố kị, ghen ghét với vẻ đẹp ấy; tả sự ngưỡng mộ, mê say trước vẻ đẹp ấy. “*Nghiêng nước nghiêng thành*” là cách nói sáng tạo điển cố để cực tả giai nhân. Rõ ràng, cái đẹp của Kiều có chiều sâu, có sức quyến rũ làm mê mẩn lòng người. Vẻ đẹp ấy như tiềm ẩn phẩm chất bên trong cao quý – tài và tình rất đặc biệt của nàng.

* **Tài:** - Trí tuệ thông minh tuyệt đối

- Kiều là người con gái đa tài mà tài nào cũng đạt đến độ hoàn thiện, xuất chúng: đủ cả cầm, kì, thi, họa.

- Đặc biệt, tài đàn của nàng vượt trội hơn cả. Nàng đã soạn riêng một khúc bạc mệnh mà ai nghe cũng não lòng. Khúc nhạc thể hiện tâm hồn, tài năng, trái tim đa sầu đa cảm.

=> Chân dung Thúy Kiều mang tính cách số phận. Ngòi bút Nguyễn Du nhuộm màu định mệnh. Sắc đẹp và tài năng của Kiều nổi trội quá mà thiên nhiên, tạo hóa thì:

Lạ gì bỉ sắc tư phong

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen

=> Cuộc đời của nàng sẽ gặp nhiều éo le, đau khổ.

d. Nhận xét chung về cuộc sống hai chị em Thúy Kiều.

- Thúy Vân, Thúy Kiều dưới ngòi bút của Nguyễn Du không chỉ nhan sắc tuyệt vời mà còn đức hạnh khuôn phép. Dù đã đến tuổi “*cài trâm, búi tóc*” nhưng hai chị em vẫn giữ gìn nề nếp, gia phong :

Êm đềm trướng rủ màn che,

Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

2. Cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du qua đoạn trích:

- Ngợi ca vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã trân trọng, đề cao giá trị, phẩm giá của con người như nhan sắc, tài hoa, phẩm hạnh; qua đó, dự cảm về kiếp người tài hoa nhưng bạc mệnh. Sự ngưỡng mộ, ngợi ca người phụ nữ trong xã hội “*trọng nam khinh nữ*” chính là biểu hiện sâu sắc của cảm hứng nhân văn trong ngòi bút Nguyễn Du

*** NGHỆ THUẬT**

Sử dụng bút pháp miêu tả ước lệ tượng trưng của văn học cổ điển, với ngòi bút tài hoa, chặt chẽ, trau chuốt ngôn từ, Nguyễn Du đã khắc họa thật sinh động hai bức chân dung Thúy Vân và Thúy Kiều, mỗi người một vẻ đẹp riêng, toát lên từ tính cách, từng số phận riêng, không lẫn vào nhau, không thể phai nhạt trong tâm hồn người đọc. Đây là thành công trong bút pháp nghệ thuật miêu tả người của Nguyễn Du. Đã hơn hai thế kỉ rồi, với truyện Kiều và nghệ thuật tả người đặc sắc, tinh tế của Nguyễn Du, đã là bậc thầy làm rung động và sự cảm phục, trân trọng của bao thế hệ đối với đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

Nhóm văn 9